

BÁO CÁO

**Kết quả, tổng kết, đánh giá các vi phạm phổ biến, thường gặp
qua công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng**

I. Khái quát đặc điểm, tình hình

- Huyện Đam Rông nằm ở phía Tây bắc của tỉnh Lâm Đồng, diện tích tự nhiên là 87.210 ha, huyện có 08 đơn vị hành chính cấp xã, 53 thôn; dân số 63.895 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 63,61%. Toàn Đảng bộ có 34 tổ chức cơ sở đảng, gồm 10 đảng bộ cơ sở (*124 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở*) và 24 chi bộ cơ sở; có 1.862 đảng viên, trong đó: đảng viên nữ 712 chiếm 38,23%, đảng viên là người dân tộc thiểu số 710 đồng chí, chiếm 38,13%; đảng viên là người có đạo 559 đồng chí, chiếm 30,02%. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện hiện có 32 đồng chí (*khuyết 07 đồng chí so với đầu nhiệm kỳ*), Ban Thường vụ Huyện ủy có 11 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy hiện có 07 đồng chí (*chủ nhiệm, 02 phó chủ nhiệm, 02 ủy viên chuyên trách, 02 ủy viên kiêm chức*).

Ban Thường vụ Huyện ủy, cấp ủy các cấp, ủy ban kiểm tra từ huyện đến cơ sở triển khai thực hiện tương đối toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm; phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng bộ đảm bảo thực hiện theo đúng quan điểm chỉ đạo “*giám sát phải mở rộng*”, “*kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm*”. Các cuộc kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp từ huyện đến cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 đều tăng so với nhiệm kỳ 2015-2020, cụ thể như, kiểm tra đảng viên của cấp ủy các cấp tăng 38,94%, kiểm tra tổ chức đảng tăng 42,29%; giám sát tổ chức đảng tăng 149,09%; giám sát đảng viên tăng 31,65%; các ban của Huyện ủy kiểm tra được 11 tổ chức đảng (*các nhiệm kỳ trước không thực hiện được*); Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm bằng với nhiệm kỳ trước; giám sát tổ chức đảng tăng 36,73%, giám sát đảng viên tăng 100%,...

- Là địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 65%, tôn giáo chiếm hơn 70% dân số và diện tích rừng lớn, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, nhất là tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định; vấn đề “*di dân tự do*”, dân về “*làng cũ*” chưa được giải quyết cơ bản, vì vậy trong các nhiệm kỳ qua cán bộ đảng viên vi phạm chính

sách dân số kế hoạch hóa gia đình chiếm đa số 125/224 lượt đảng viên vi phạm (*chiếm 55,8%*), liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng 41/224 (*chiếm 18,3%*).

- Trong những năm qua, luôn được quan tâm chỉ đạo sát sao của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp từ huyện đến cơ sở và các tổ chức đảng trong Đảng bộ đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện tương đối toàn diện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát do Điều lệ Đảng quy định, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát đối với các lĩnh vực, địa bàn nhạy cảm, dễ xảy ra sai phạm, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật, nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ.

Tuy nhiên, xuất phát điểm, tiềm lực kinh tế - xã hội của địa phương nhìn chung còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh; trình độ, nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đồng đều; vai trò, trách nhiệm của một số tổ chức cơ sở đảng trong công tác kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi chưa phát huy đầy đủ. Một số cán bộ, đảng viên thiếu tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, về những điều đảng viên không được làm, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao,... nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng bộ huyện.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và thực trạng vi phạm

1. Số liệu vi phạm được phát hiện

1.1. Nhiệm kỳ 2015-2020

- Ban Thường vụ Huyện ủy, các ban của Huyện ủy, đảng ủy cơ sở kiểm tra đối với 201 tổ chức đảng, 139 đảng viên, giám sát chuyên đề đối với 55 tổ chức đảng, 43 đảng viên, qua kiểm tra, giám sát có 33/256 tổ chức đảng (*chiếm 12,9%*) và 75/182 đảng viên (*chiếm 42,2%*) có khuyết điểm, vi phạm, có 71 đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 71 đảng viên (*khiển trách 56, cảnh cáo 14 và cách chức 01 đảng viên*).

- Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra 171 tổ chức đảng và 15 đảng viên, kết luận có 09/171 tổ chức đảng (*chiếm 5,26%*) có khuyết điểm, vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật; có 15/15 đảng viên (*chiếm 100%*) có khuyết điểm, vi phạm, trong đó có 09 đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 9/9 đảng viên vi phạm (*khiển trách 08, cảnh cáo 01 đảng viên*).

- Chi bộ kiểm tra đối với 877 đảng viên, có 22/877 đảng viên (*chiếm 2,5%*) có khuyết điểm vi phạm, trong đó có 17 đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 17/17 đảng viên vi phạm (*khiển trách 08, cảnh cáo 01 đảng viên*).

1.2. Nhiệm kỳ 2020-2025

- Ban Thường vụ Huyện ủy, các ban của Huyện ủy, đảng ủy cơ sở kiểm tra đối với 286 tổ chức đảng, 118 đảng viên, giám sát chuyên đề đối với 137 tổ chức đảng, 59 đảng viên, qua kiểm tra, giám sát có 21/423 tổ chức đảng (*chiếm 2,5%*) và 27/177 đảng viên (*chiếm 11,9%*) có khuyết điểm, vi phạm, có 22 đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 22/22 đảng viên (*khiển trách 17, cảnh cáo 04 và khai trừ 01 đảng viên*).

- Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra 176 tổ chức đảng và 34 đảng viên, kết luận có 04/176 tổ chức đảng (*chiếm 2,3%*), 34/34 đảng viên (*chiếm 100%*) có khuyết điểm, vi phạm, trong đó có 02 tổ chức đảng đến mức xử lý kỷ luật, đã xử lý kỷ luật 02/02 tổ chức đảng (*khiển trách 01, cảnh cáo 01 tổ chức đảng*); có 30 đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 22/22 đảng viên vi phạm (*khiển trách 08, cảnh cáo 01 đảng viên*).

- Chi bộ kiểm tra đối với 1.126 đảng viên, có 91/1.126 đảng viên (*chiếm 8,01%*) có khuyết điểm vi phạm, trong đó có 75 đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 75/75 đảng viên vi phạm (*khiển trách 57, cảnh cáo 18 đảng viên*).

2. Đánh giá về quy mô và nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả, động cơ, nguyên nhân vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên

- Trong nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025, công tác xây dựng chính đồn đảng và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống chính trị tiếp tục được đẩy mạnh. Tuy nhiên, tại một số cấp ủy, địa phương, đơn vị còn nhiều đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước với mức độ và hình thức khác nhau. Những vi phạm này phần nào làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào tổ chức Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 có 02 tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật gồm 01 chi bộ Hạt kiểm lâm bị hình thức cảnh cáo và 01 chi bộ trường tiểu học bị hình thức khiển trách do thiếu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; trong 02 nhiệm kỳ qua có 224 đảng viên bị thi hành kỷ luật, trong đó có 121 đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước.

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 so với nhiệm kỳ 2015-2020, các vụ vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước có xu hướng gia tăng cả về số lượng lẫn tính chất nghiêm trọng, đáng chú ý, được xác định là nhạy cảm, phức tạp, dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, như lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng có tới 41 cán bộ, công chức, viên chức vi phạm phải xử lý kỷ luật, thậm chí có tới 07 cán bộ phải xử lý hình sự.

Các vi phạm có nguyên nhân chủ yếu như: hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát nội bộ thiếu chặt chẽ; sự thiếu hiểu biết về quy định pháp luật, áp lực kinh tế cá nhân,

một số cán bộ có thể vi phạm do thiếu ý thức trách nhiệm, coi thường pháp luật, bị cám dỗ bởi lợi ích kinh tế.

3. Sự đồng bộ giữa xử lý kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và pháp luật

Trong những năm qua, công tác xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên vi phạm đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, đoàn thể và xử lý theo pháp luật; cấp ủy đã chỉ đạo các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trên địa bàn, theo chức năng, thẩm quyền được giao kịp thời xem xét, xử lý kỷ luật về đảng, chính quyền, đoàn thể đối với các trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm, đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời; mức độ xử lý kỷ luật đảng, chính quyền đối với cán bộ, đảng viên vi phạm tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận; cán bộ, đảng viên sau khi bị xử lý kỷ luật đã chấp hành nghiêm túc theo quyết định, chủ động khắc phục hậu quả do mình gây ra.

Tuy nhiên, trên thực tế, tính đồng bộ trong xử lý vi phạm cũng còn một số bất cập như: có thời gian, có việc việc xử lý kỷ luật thiếu đồng bộ giữa kỷ luật đảng với kỷ luật hành chính (*như vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình*); quy định giữa kỷ luật Đảng, hành chính, đoàn thể chưa đồng bộ về khái niệm, mức độ vi phạm, gây khó khăn cho việc xác định hình thức kỷ luật tương xứng; thẩm quyền xử lý không đồng nhất (*Đảng do cấp ủy thực hiện, xử lý hành chính do thủ trưởng cơ quan quyết định*);...

III. Các loại vi phạm phổ biến, thường gặp

1. Phân loại vi phạm theo lĩnh vực

- Vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình có 125 đảng viên bị xử lý kỷ luật.

- Vi phạm về thực hiện chức trách, nhiệm vụ công vụ có 36 đảng viên bị xử lý kỷ luật. Vi phạm chủ yếu do thiếu tinh thần trách nhiệm vụ, không thực hiện đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ được giao; không chủ động, không kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công việc, gây ra sơ suất hoặc sai sót không đáng có.

- Vi phạm trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành có 25 đảng viên bị xử lý kỷ luật. Vi phạm chủ yếu do không giám sát, kiểm tra thường xuyên các hoạt động của cấp dưới, dẫn đến tình trạng lỏng lẻo trong quản lý, thiếu kiểm soát, dễ dẫn đến vi phạm.

- Vi phạm về quy định về đạo đức, lối sống văn minh có 21 đảng viên bị xử lý kỷ luật. Vi phạm chủ yếu do đánh bạc, bạo lực gia đình, trách nhiệm nêu gương,...

- Vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng có 10 đảng viên bị xử lý kỷ luật. Vi phạm chủ yếu do chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng và đóng đảng phí.

- Vi phạm khác, nhiệm kỳ 2015- 2020 có 02 đảng viên bị xử lý kỷ luật, nhiệm kỳ 2020-2025 có 04 đảng viên bị xử lý kỷ luật.

2. Xác định các nhóm đối tượng vi phạm chính

- Đối với tổ chức đảng từ năm 2015 đến nay có 67 lượt tổ chức đảng có khuyết điểm vi phạm, trong đó có 02 tổ chức đảng vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật gồm Chi ủy chi bộ Hạt Kiểm lâm và Chi bộ Trường Tiểu học Lương Thế Vinh.

- Chức vụ, vị trí công tác của các đối tượng vi phạm phổ biến: (1) Vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình chủ yếu là đảng viên nông thôn, giáo viên, cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền, cán bộ cấp xã không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý,...; (2) Vi phạm về thực hiện chức trách, nhiệm vụ công vụ, nhiệm kỳ 2015- 2020 chủ yếu là đảng viên thuộc lĩnh vực lâm nghiệp và cán bộ thuộc các phòng, ban, chuyên môn về quản lý nhà nước về đất đai, khoán sản,...; (3) Vi phạm trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành là cán bộ, đảng viên thuộc lĩnh vực lâm nghiệp và cán bộ thuộc các phòng, ban, chuyên môn về quản lý nhà nước về đất đai, khoán sản,...; (4) Vi phạm về quy định về đạo đức, lối sống văn minh và nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng chủ yếu là đảng viên nông thôn.

3. Kết quả xử lý vi phạm

- Trong nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 có 02 tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật (01 khiển trách, 01 cảnh cáo); có 224 lượt đảng viên bị xử lý kỷ luật (khiển trách 169, cảnh cáo 46, cách chức 01, khai trừ 08 đảng viên).

- Không có vụ vi phạm nào phải chuyển cơ quan điều tra (tuy nhiên, có 01 vụ việc trong quá trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, cơ quan điều tra công an huyện đã khởi tố vụ án, khởi tố các bị can có liên quan).

- Kết quả khắc phục hậu quả, thu hồi tài sản, sửa sai: Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã đề nghị thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi, nộp về ngân sách nhà nước với số tiền sai phạm hơn 560 triệu đồng..

4. Xác định các nhóm nguyên nhân của các vi phạm phổ biến

4.1. Nguyên nhân chủ quan

- Đa số đảng viên vi phạm còn thiếu hiểu biết hoặc chưa cập nhật đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Nhận thức, trách nhiệm, tinh thần tự giác rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của các đảng viên vi phạm còn nhiều hạn chế.

- Thiếu gương mẫu trong sinh hoạt và công tác; hạn chế trong năng lực chuyên môn và công tác lãnh đạo.

4.2. Nguyên nhân khách quan

- Là địa phương có điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, cơ sở hạ tầng thiếu thốn; đời sống vật chất, tinh thần của người dân còn thấp.
- Trình độ dân trí của người dân còn thấp, năng lực công tác của một số cán bộ chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ.
- Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ ở một số tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị còn lỏng lẻo.

Trên đây là báo cáo kết quả, tổng kết, đánh giá các vi phạm phổ biến, thường gặp qua công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng của Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông.

Nơi nhận:

- UBKT Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực Huyện ủy,
- Lưu VP Huyện ủy (UBKT).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đa Cắt K'Hương

TỔNG HỢP

Kết quả kiểm tra, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm từ đầu nhiệm kỳ III đến nay
(Kèm theo Báo cáo số 473-BC/HU..., ngày 09/6/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

T	T	Nội dung	Tổng số (2+9+31+37)	VỀ CHÍNH TRỊ VÀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC SINH HOẠT ĐẢNG		VỀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC																										VỀ CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO					NỘI DUNG KHÁC	
				Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó																								Tổng số	Trong đó						
					Vi phạm quan điểm chính trị và chính trị nội bộ		Vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng	Vi phạm quy định bầu cử	Vi phạm quy định tuyên truyền, phát ngôn	Vi phạm quy định công tác tổ chức, cán bộ	Vi phạm quy định về chống chạy chức, chạy quyền	Vi phạm quy định bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước	Vi phạm quy định quan hệ với tổ chức, cá nhân người nước ngoài	Vi phạm quy định quản lý, cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ	Vi phạm quy định phòng, chống tội phạm	Vi phạm quy định kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán	Vi phạm quy định khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Vi phạm quy định đầu tư, xây dựng	Vi phạm quy định lĩnh vực tài chính, ngân hàng	Vi phạm quy định quản lý, sử dụng đất đai, nhà ở	Vi phạm quy định trong lĩnh vực y tế	Vi phạm quy định quản lý tài nguyên	Vi phạm quy định bảo vệ môi trường	Vi phạm quy định khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ	Vi phạm quản lý, sử dụng các loại quỹ hỗ trợ, tài trợ, nhân đạo, từ thiện	Vi phạm quy định thực hiện chính sách an sinh xã hội	Vi phạm quy định về phòng, chống tệ nạn xã hội	Vi phạm quy định hôn nhân và gia đình	Vi phạm quy định chính sách dân số		Vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài	Vi phạm quy định lập hội và hoạt động của hội; tập trung đông người gây mất an ninh, trật tự	Vi phạm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công vụ	Vi phạm trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành	Vi phạm quy định về đạo đức, nếp sống văn minh		Vi phạm quy định về phòng, chống bạo lực gia đình
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
			NHIỆM KỲ III																																			
I	CẤP ỦY CÁC CẤP																																					
1	ĐV được kiểm tra	139																																				
2	Kết luận có vi phạm	75	3	3						46																			46			0	11	7	7			1

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	71	3		3					4 6 4																			46				9	5	7			1
4	Đã thi hành kỷ luật	71	3		3					6 3 7																			46			0	9	5	7			1
	- Khiển trách	56	2		2					7																			37			0	7	5	4			1
	- Cảnh cáo	14	1		1					9																			9			0	2		2			
	- Cách chức	1	0							0																						0			1			
	- Khai trừ		0							0																						0						
II	UBKT CÁC CẤP																																					
1	ĐV được kiểm tra	15	0							0																							0					
2	Kết luận có vi phạm	15	0							1										1													0	4	7	3		1
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	9	0							1										1													0	1	4	3		1
4	Đã thi hành kỷ luật	9	0							1										1													0	1	4	3		1
	- Khiển trách	8	0							1										1													0	1	4	3		
	- Cảnh cáo	1	0							0																							0					1
	- Cách chức		0							0																							0					
	- Khai trừ		0							0																							0					
III	CHI BỘ																																					
1	ĐV được kiểm tra	877	0							0																							0					
2	Kết luận có vi phạm	22	0							1 2																				12			0	8		2		
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	17	0							1 2																				12			0	3		2		
4	Đã thi hành kỷ luật	17	0							1 2																				12			0	3		2		
	- Khiển trách	15	0							1 0																				10			0	3		2		
	- Cảnh cáo	2	0							2																				2			0					
	CỘNG (I+II+III)																																					
1	ĐV được kiểm tra	1031	0							0																							0					
2	Kết luận có vi phạm	112	3		3					5 7										1										56			0	31	15	12		2

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	97	3		3					5 7										1									56			0	13	10	12			2	
4	Đã thi hành kỷ luật	97	3		3					5 7										1									56			0	13	10	12			2	
	- Khiển trách	79	2		2					4 6 1										1									45			0	11	10	9			1	
	- Cảnh cáo	17	1		1					1																			11			0	2		2			1	
	- Cách chức	1	0							0																						0			1				
	- Khai trừ		0							0																						0							
		NHIỆM KỲ IV																																					
I	CẤP ỦY CÁC CẤP																																						
1	ĐV được kiểm tra	118																																					
2	Kết luận có vi phạm	27	0							1																				11			0	10	4	2			
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	22	0							1 1 1																				11			0	8	1	2			
4	Đã thi hành kỷ luật	22	0							1																				11			0	8	1	2			
	- Khiển trách	17	0							0																				10			0	7					
	- Cảnh cáo	4	0							1																				1			0	1		2			
	- Cách chức		0							0																							0						
	- Khai trừ	1	0							0																							0		1				
II	UBKT CÁC CẤP																																						
1	ĐV được kiểm tra	34	0							0																							0						
2	Kết luận có vi phạm	34	1		1					0																							0	10	17	2			4
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	30	1		1					0																							0	9	14	2			4
4	Đã thi hành kỷ luật	30	1		1					0																							0	9	14	2			4
	- Khiển trách	16	0							0																							0	3	13				
	- Cảnh cáo	7	0							0																							0	3	1				3
	- Cách chức		0							0																							0						
	- Khai trừ	7	1		1					0																							0	3		2			1
III	CHI BỘ																																						
1	ĐV được kiểm tra	1126	0							0																							0						

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
2	Kết luận có vi phạm	91	6		6					8																			58			0	22		5			
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	75	6		6					5																			58			0	6		5			
4	Đã thi hành kỷ luật	75	6		6					8																			58			0	6		5			
	- Khiển trách	57	5		5					4																			43			0	4		5			
	- Cảnh cáo	18	1		1					5																			15			0	2					
	CỘNG (I+II+III)																																					
1	ĐV được kiểm tra	1278	0							0																						0						
2	Kết luận có vi phạm	152	7		7					9																			69			0	47	24	9			4
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	127	7		7					6																			69			0	23	15	9			4
4	Đã thi hành kỷ luật	127	7		7					9																			69			0	23	15	9			4
	- Khiển trách	90	5		5					5																			53			0	14	13	5			
	- Cảnh cáo	29	1		1					1																			16			0	6	1	2			3
	- Cách chức		0							0																						0						
	- Khai trừ	8	1		1					0																						0	3	1	2			1

Số liệu lấy thêm:

Vi phạm kê khai tài sản, thu nhập:

2

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Hải Dương

Đam Rông, ngày tháng năm 2025
T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Đa Cát K'Hương

TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện Quy định về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm từ đầu nhiệm kỳ III đến nay
(Kèm theo Báo cáo số 473-BC/HU, ngày 09/6/2025 của Ban thường vụ Huyện ủy)

T T	Nội dung	Tổng số (2+8)	VỀ CHÍNH TRỊ VÀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC SINH HOẠT ĐẢNG						VỀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC													NỘI DUNG KHÁC
			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó												
				Vi phạm chủ trương, quy định của Đảng	Vi phạm việc ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước	Vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng	Vi phạm công tác tổ chức, cán bộ và công tác đảng viên	Vi phạm quy định về bầu cử		Vi phạm quy định quản lý, sử dụng ngân sách, tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước	Vi phạm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	Vi phạm quy định kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán	Vi phạm quy định tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Vi phạm quy định về quốc phòng, an ninh, đối ngoại	Vi phạm quy định về phòng, chống tội phạm	Vi phạm quy định đầu tư, xây dựng cơ bản	Vi phạm quy định về kinh tế, tài chính, ngân hàng	Vi phạm quy định về tài nguyên, đất đai và nhà ở	Vi phạm quy định về giáo dục, y tế, văn hoá - xã hội	Vi phạm quy định về an sinh xã hội và chính sách đối với người có công	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
		NHIỆM KỲ III																				
I	CẤP ỦY CÁC CẤP																					
1	TCD được kiểm tra	201																				
2	Kết luận có vi phạm	33	33		33				0													
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật		0						0													

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
4	Đã thi hành kỷ luật		0						0													
	- Khiển trách		0						0													
	- Cảnh cáo		0						0													
	- Giải tán		0						0													
II	UBKT																					
1	TCD được kiểm tra	171	0						0													
2	Kết luận có vi phạm	9	9		9				0													
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật		0						0													
4	Đã thi hành kỷ luật		0						0													
	- Khiển trách		0						0													
	- Cảnh cáo		0						0													
III	Cộng I + II																					
1	TCD được kiểm tra	372	0						0													
2	Kết luận có vi phạm	42	42		42				0													
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật		0						0													
4	Đã thi hành kỷ luật		0						0													
	- Khiển trách		0						0													
	- Cảnh cáo		0						0													
	- Giải tán		0						0													
		NHIỆM KỲ IV																				
I	CẤP ỦY CÁC CẤP																					
1	TCD được kiểm tra	286																				
2	Kết luận có vi phạm	21	21		21				0													
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật		0						0													
4	Đã thi hành kỷ luật		0						0													
	- Khiển trách		0						0													
	- Cảnh cáo		0						0													
	- Giải tán		0						0													
II	UBKT																					
1	TCD được kiểm tra	167	0						0													
2	Kết luận có vi phạm	4	4		4				0													
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	2	0						0													
4	Đã thi hành kỷ luật	2	0						0													

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Khiển trách	1	0						0													
	- Cảnh cáo	1	0						0													
III	Cộng I + II																					
1	TCD được kiểm tra	453	0						0													
2	Kết luận có vi phạm	25	25		25				0													
3	Vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật	2	2		2				0													
4	Đã thi hành kỷ luật	2	2		2				0													
	- Khiển trách	1	0						0													
	- Cảnh cáo	1	0						0													
	- Giải tán		0						0													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Hải Dương

Đam Rông, ngày tháng 6 năm 2025
T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Đa Cất K'Hương